TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỒNGỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DSST
Ngày: 30-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chồngủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phù Văn Tuấn;

2. Ông Trần Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số*: 35*/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản sản, hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *70*/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phương H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 01, ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981. Địa chồngỉ: Tổ 16, ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Văn L, sinh năm 1983. Địa chồngỉ: Tổ 16, ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018, cũng như trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Phương H trình bày**:**

Bà và vợ chồng bà H1, ông L là chổ quen biết, nên có cho vợ chồng bà H1, ông L tham gia nhiều dây hụi do bà H làm chủ hụi và cho vay tiền, quá trình thực hiện còn nợ bà H như sau:

- ***Dây hụi thứ nhất:*** dây hụi 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*, dây hụi theo mùa 04 tháng khui hụi một lần, dây hụi gồm 20 phần; bà H1 tham gia một phần. Quá trình thực hiện thì bà H1 chầu được hụi sống 3 lần (lần thứ nhất là 7.000.000đ, lần hai 5.000.000đ và lần ba là 4.700.000đ), đến lần thứ 4 ngày 10/6/2016 âm lịch, bà H1 hốt (bà H1 bỏ 5.170.000đ), hốt được số tiền 103.280.000đ (đã khấu trừ số tiền hoa H), sau khi hốt thì bà H1 chầu lại hụi chết được 03 lần (lần thứ nhất ngày 10/10/2016 âm lịch chầu là 10.000.000đ, lần thứ hai ngày 10/02/2017 âm lịch chầu được 10.000.000đ và lần thứ ba ngày 10/6/2017 âm lịch chầu được 10.000.00đ), nếu tính đến mãn hụi (10/10/2021 âm lịch) thì bà H1 còn nợ lại 13 lần x 10.000.000đ là 130.000.000đ *(một trăm ba mươi triệu đồng)*.

- ***Dây hụi thứ hai:*** dây hụi 3.000.000đ, dây hụi tháng khui ngày 05/01/2016 âm lịch, dây hụi gồm 25 phần, bà H1 tham gia 02 phần. Quá trình thực hiện góp hụi thì bà H1 chầu hụi sống được 04 lần của hai phần hụi (lần thứ nhất là 4.800.000đ, lần lần thừ hai là 4.640.000đ, lần thứ ba là 4.500.000đ và lần thứ tư là 4.900.000đ); đến lần thứ năm bà H1 (bỏ 630.000đ) hốt một đầu hụi được số tiền 58.200.000đ (đã trừ số tiền hoa H); lần 6: bà H1 chầu lại 5.500.000đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.500.000đ); lần 7: bà H1 chầu 5.500.000đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.500.000đ); lần 8: bà H1 chầu 5.480.00đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.480.000đ); lần 9: bà H1 chầu 5.450.000đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.450.000đ); lần 10: bà H1 chầu 5.410.000đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.410.000đ); lần 11: bà H1 chầu 5.340.000đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.340.000đ), lần 12: bà H1 chầu 5.250.000đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.250.000đ), lần 13: bà H1 chầu 5.350.000đ (trong đó, hụi chết 3 triệu, hụi sống 2.350.000đ); lần 14: bà H1 (bỏ 650.000đ) hốt một đầu còn lại được 63.650.000đ (đã trừ tiền hoa H), lần 15: bà H1 chầu hai đầu chết là 6 triệu, lần 16 chầu 6 triệu, lần 17 chầu 6 triệu, lần thứ 18: chầu 6 triệu, từ lần 19 đến mãn (5/12/2017 âm lịch) bà H1 còn nợ lại 7 lần x 6.000.000đ là 42.000.000đ *(bốn mươi hai triệu đồng)*.

- ***Dây hụi thứ ba:*** dây hụi 3.000.000đ (ba triệu đồng), dây hụi tháng, khui ngày 10/08/2016 âm lịch, dây hụi gồm 25 phần, bà H1 tham gia 01 phần. Quá trình thực hiện, bà H1 chầu được 04 lần hụi sống (lần thứ nhất 2.400.000đ, lần thứ hai 2.300.000đ, lần thứ ba 2.285.000đ và lần thứ tư 2.260.000đ), đến lần thứ 5 (bỏ 850.000đ) hốt được 53.800.000đ (đã trừ số tiền hoa H), hốt xong thì bà H1 chầu được 5 tháng hụi chết là 15.000.000đ. Tính từ ngày 10/5/2017 âm lịch đến mãn hụi (ngày 10/7/2018 âm lịch) thì bà H1 còn nợ lại 15 lần x 3 triệu bằng 45.000.000đ *(bốn mươi lăm triệu đồng)*.

- ***Dây hụi thứ tư:*** Dây hụi 5.000.000đ (năm triệu đồng), dây hụi tháng, khui ngày 15/08/2016 âm lịch, dây hụi gồm 25 phần chơi, bà H1 tham gia 01 phần. Quá trình thực hiện: bà H1 chầu được một lần hụi sống là 4.000.000đ, lần thứ 02 (ngày 10/9/2016 âm lịch) bà H1 (bỏ 1.300.000đ) hốt được 89.100.000đ (đã trừ số tiền hoa H), sau khi hốt thì bà H1 chầu được 8 lần (tới ngày 10/6/2017 âm lịch) x 5 bằng số tiền 40.000.000đ, tính đến mãn hụi tháng 15/7/2018 âm lịch

thì bà H1 còn nợ lại 15 lần x 5.000.000đ là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngoài ra vào ngày 10/06/2017 âm lịch bà H1 còn vay của bà H số tiền là 30.000.000đ.

Tổng cộng các khoản nợ trên là 322.000.000đ *(ba trăm hai mươi hai triệu đồng)* nhưng sau đó, trả cho bà được 13.000.000đ *(mười ba triệu đồng)*, còn nợ lại 309.000.000đ *(ba trăm lẻ chồngín triệu đồng)*.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà H1 và ông L có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên cho bà H là 309.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi xét xử vụ án.

2. *Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* *Thống nhất theo lời trình bày của Võ Thị Phương H đã trình bày: Bà có tham gia chơi hụi và vay tiền của bà H, bà có tham gia và còn nợ lại bà H như sau:*

- Dây hụi ngày 10/6/2015 bà còn nợ bà H là 130.000.000đ;

- Dây hụi ngày 05/01/2016 bà còn nợ bà H là 42.000.000đ;

- Dây hụi ngày 10/08/2016 bà còn nợ bà H là 45.000.000đ;

- Dây hụi ngày 15/08/2016 bà còn nợ bà H là 75.000.000đ.

- Ngoài ra bà còn vay bà H vào tháng 06/2017 là 30.000.000đ.

Tổng cộng các khoản nợ là 322.000.000đ *(ba trăm hai mươi hai triệu đồng)* nhưng sau đó, trả cho bà H được 13.000.000đ *(mười ba triệu đồng)*, còn nợ lại 309.000.000đ *(ba trăm lẻ chồngín triệu đồng)*.

Như vậy tổng cộng bà nợ bà H tính đến mãng hụi tất cả các đầu hụi nêu trên và tiền tiền vay là 309.000.000đ (Ba trăm lẻ chín triệu đồng), số tiền này do bà H tính và hai bên thống nhất tại ban hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Tân Lập. Do hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, làm ăn thua lỗ, bà H1 không có khả năng thanh toán một lần nên xin trả dần theo phương thức, mỗi tháng trả 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*, còn đối số tiền nợ hụi theo mùa vụ thì mỗi vụ lúa bà xin trả 5.000.000đ, trả cho đến khi hết số nợ nêu trên; yêu cầu bà H không phải tính lãi suất vì không còn khả năng.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L trình bày:** Thống nhất theo lời trình bày của vợ Nguyễn Thị H1.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình; không bổ sung chứng cứ gì thêm.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

- Tuy nhiên còn để án quá thời gian chồnguẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Trên có sở xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Bà H1 có tham gia 04 dây hụi do bà H làm chủ hụi, đồng thời bà H1 có vay của bà H 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*. Bà H1 thống nhất còn nợ hụi, nợ vay cộng lại là 309.000.000đ *(ba trăm lẻ chồngín triệu đồng)*. Tuy nhiên các đương sự tranh chấp về tiền lãi suất và phương thức thanh toán, theo bà H yêu cầu được tính lãi suất theo quy định của pháp luật trên số nợ 309.000.000đ *(ba trăm lẻ chồngín triệu đồng),* bà H1 không đồng ý tính lãi suất theo yêu cầu của bà H. Đây là hụi có lãi, nên việc bà H1 không góp hụi đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên góp hụi cũng như vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H yêu cầu bà H1, ông L trả một lần số tiền 309.000.000đ *(ba trăm lẻ chồngín triệu đồng)* và lãi suất theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L đã được Tòa án tống đạt tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng dân sự về vay tài sản, góp hụi và bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện, chưa kết thúc có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dự dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật này để giải quyết tranh chấp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, xác định được quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp

hụi được thực hiện của bên cho vay là Võ Thị Phương H, bên vay là bà Nguyễn Thiện H1, hợp đồng góp hụi giữa chủ hụi là bà H, thành viên tham gia góp hụi là Nguyễn Thị H1.

[2.2] Về dư nợ vay và hụi: Các đương sự đã thống nhất số dự nợ vay, nợ hụi. Theo đó, bị đơn bà H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông L còn nợ nguyên đơn bà H tônt cộng 309.000.000đ *(ba trăm lẻ chín triệu đồng)*, trong đó nợ vay là 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*, nợ hụi là 279.000.000đ *(hai trăm bảy mươi chín triệu đồng)*.

Nhận thấy giao dịch góp hụi giữa hai bên là có lãi và lãi suất cao so với quy định của Bộ luật dân sự. Theo khoản 3 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp việc tổ chồngức hụi có lãi thì lãi suất phải phù hợp với quy định của pháp luật dân sự. Do đó cần điều chỉnh cho phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật này, lãi suất được tính lại là 20%/năm (tương đương 1.67%/tháng).

[2.3] Xét yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L cho rằng cho hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn thua lỗ, không có khả năng thanh toán một lần nên bà H1 xin trả dần theo phương thức: mỗi tháng trả 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*, còn đối số tiền nợ hụi theo mùa vụ thì mỗi vụ lúa bà H1 xin trả 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*, trả cho đến khi hết số nợ nêu trên; yêu cầu bà H không tính lãi suất nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Phương H thì số tiền vốn vay, lãi và số tiền vốn hụi, lãi của hụi được tính theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 như sau:

[2.4.1] Số tiền cho vay là 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*, vay ngày 10/06/2017 âm lịch đến ngày xét xử 30/11/2018 dương dịch (ngày 24/10/2018 âm lịch), số tiền lãi là 30.000.000đ x 1.67% x 16 tháng 14 ngày là 8.241.000đ *(tám triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)*.

Số vốn vay + lãi (30.000.000đ + 8.241.000đ) là **38.241.000đ** *(ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)* **(1)**

[2.4.2] Đối với dây hụi khui ngày 10/6/2015 âm lịch, hụi theo mùa vụ lúa (04 tháng khui một lần), số tiền của dây hụi là 10.000.000đ, dây hụi gồm 20 phần hụi, bà H1 tham gia 01 phần hụi, dây hụi khui ngày 10/6/2015 âm lịch đến 10/10/2021 âm lịch là dây mãn hụi.

- Số tiền bà H1 chầu hụi sống được là 16.700.000đ (7.000.000đ + 5.000.000đ + 4.700.000đ) và số tiền chầu hụi chết được 3 lần x 10.000.000đ là 30.000.000đ. Cộng lại số tiền đã chầu là 46.700.000đ;

- Số tiền bà H1 hốt được là 103.280.000đ;

- Dư nợ của dây hụi được tính: Số tiền hốt hụi được 103.280.000đ – số tiền đã chầu hụi 46.700.000đ còn lại 56.580.000đ;

- Lãi suất được tính kể từ ngày vi phạm là ngày 10/6/2017 âm lịch đến ngày xét xử 30/11/2018 dương dịch (ngày 24/10/2018 âm lịch) là x 1.67% x 16 tháng 14 ngày = 15.545.000đ;

Số tiền vốn + lãi là 56.580.000đ + 15.545.000đ = **72.125.000đ** *(bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* **(2)**

[2.4.2] Dây hụi ngày 05/01/2016 âm lịch, dây dụi số tiền 3.000.000đ, dây hụi tổng cộng 25 phần hụi, bà H1 tham gia 02 phần hụi:

- Số tiền bà H1 chầu hụi sống của bốn lần của hai phần hụi (4.800.000đ + 4.640.000đ + 4.500.000đ + 4.900.000đ) là 18.840.000đ;(1)

- Số tiền bà H1 chầu tiếp một phần hụi sống, một phần hụi chết được bảy lần (5.500.000đ + 5.500.000đ + 5.480.00đ + 5.450.000đ + 5.410.000đ + 5.340.000đ + 5.250.000đ) là 37.930.000đ;(2)

- Số tiền bà H1 chầu hụi chết của 02 phần được bốn lần (4 x 6.000.000đ) là 24.000.000đ;(3)

Cộng số tiền mà bà H1 đã chầu tiền hụi cho bà H là (1) + (2) + (3) = 80.770.000đ.

- Số tiền bà H1 đã hốt hụi của hai phần hụi (58.200.000đ + 63.650.000đ) là 121.850.000đ;

Vậy số dư nợ hụi được tính của hai phần hụi là 121.850.000đ - 80.770.000đ = 41.080.000đ;

- Lãi được tính từ ngày vi phạm (từ ngày 05/6/2017 âm lịch đến ngày xét xử 30/11/2018 dương dịch (ngày 24/10/2018 âm lịch)): 41.080.000đ x.1.67% x 16 tháng 10 ngày là 11.408.000đ;

Số tiền vốn + lãi (41.080.000đ + 11.408.000đ) là **52.488.000đ (3).**

[2.4.3] Dây hụi ngày 10/08/2016 âm lịch, dây hụi số tiền 3.000.000đ, dây hụi gồm 25 phần hụi, bà H1 tham gia 01 phần hụi.

- Số tiền bà H1 đã chầu hụi sống được bốn lần (2.400.000đ + 2.300.000đ +2.285.000đ +2.260.000đ) là 9.245.000đ và số tiền bà H1 chầu lại hụi chết được 05 lần (3.000.000đ x 5 lần) là: 15.000.000đ. Cộng lại số tiền bà H1 đã chầu là 24.245.000đ;

- Số tiền bà H1 hốt hụi được 53.800.000đ;

- Số dư nợ của dây hụi được tính là 53.800.000đ - 24.245.000đ = 29.555.000đ;

- Lãi được tính từ ngày vi phạm (từ ngày 10/5/2017 âm lịch đến ngày xét xử 30/11/2018 dương dịch (ngày 24/10/2018 âm lịch)): 29.555.000đ x 1.67% x 17 tháng 14 ngày = 8.613.000đ.

Số tiền vốn + lãi (29.555.000đ + 8.613.000đ) **là 38.168.000đ (4)**

[2.4.4] Dây hụi ngày 15/08/2016 âm lịch, dây hụi 5.000.000đ, dây hụi gồm 25 phần hụi, bà H1 tham gia 01 phần.

- Số tiền bà H1 đã chầu hụi sống một lần là 4.000.000đ;

- Số tiền chồngậu hụi chết được 8 lần (5.000.000đ x 8) là 40.000.000đ;

- Số tiền bà H1 hốt hụi được: 89.100.000đ;

- Số dư nợ của dây hụi được tính (89.100.000đ - 44.000.000đ) là 45.100.000đ;

- Lãi suất được tính từ ngày vi phạm (từ ngày 15/6/2017 âm lịch đến ngày xét xử 30/11/2018 dương dịch (ngày 24/10/2018 âm lịch)): 45.100.000đ x 1.67% x 17 tháng 22 ngày là 13.350.000đ.

Số tiền vốn + lãi (45.100.000đ + lãi 13.350.000đ**) = 58.451.000đ (5).**

Như vậy, tổng cộng các khoản nợ trên: (1) + (2) + (3) + (4) + (5)

(38.241.000đ + 72.125.000đ + 52.488.000đ + 38.168.000đ + 58.451.000đ) **= 259.473.000đ** *(hai trăm năm mươi chồngín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìnđồng)***.** Tuy nhiên được khấu trừ vào số tiền mà bà H1 đã trả cho bà H là 13.000.000đ, số dự nợ còn lại bị đơn bà Nguyễn Thị H1, người liên quan ông Võ Văn L phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Phương H (259.473.000đ – 13.000.000đ) là **246.473.000đ** *(hai trăm bốn mươi sáu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*.

[2.5] Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L vắng mặt, không có ý kiến gì nên không có cơ sở xem xét.

[2.6] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Do yêu cầu của nguyên đơn đươc chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

[3.2] Nguyên đơn bà Võ Thị Phương H không phải bàu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 , Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố dụng dân sự;

- Điều 463; Điều 466; Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 22/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Phương H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Võ Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Phương H tổng số tiền 246.473.000đ *(hai trăm bốn mươi sáu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chồngủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Nguyễn Thị H1, ông Võ Văn L phải bàu án dân sự sơ thẩm là 12.323.000đ *(mười hai triệu ba răm hai mươi ba nghìn đồng)*;

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Phương H số tiền tạm ứng án phí 8.050.000đ (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số TU/2016/0004110 ngày 02/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên Tòa thì được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chồngế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKS.h.TB (1);
- THA h.TB (1);
- TA Tỉnh AG (1);
- Lưu hs, Vp (2).

Châu Nam Phú